

Số: 22 /TM-YHB

Hải Phòng, ngày 02 tháng 07 năm 2026

THƯ MỜI BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Viện Y học biển có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu Mua sắm thuốc Generic bổ sung năm 2026-2027 (Lần 1) của Viện Y học biển, với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Viện Y học biển - Số 21 đường Võ Nguyên Giáp, phường Lê Chân, thành phố Hải Phòng.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá

- Bà Bùi Phương Trang – Nhân viên khoa Dược

- Điện thoại: 078.2055.288 hoặc 0225.3519687 (nhánh 411)

- Email: khoaduoc@vinimam.org.vn

3. Cách thức tiếp nhận báo giá

- Nhận văn bản giấy trực tiếp tại địa chỉ: Văn thư, tầng 2, nhà A, Viện Y học biển - Số 21 đường Võ Nguyên Giáp, phường Lê Chân, thành phố Hải Phòng.

- Kèm gửi file qua email: tms@vinimam.org.vn

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: 10 ngày kể từ thời điểm đăng tải báo giá.

- Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày ghi trong báo giá.

II. Nội dung yêu cầu báo giá

1. Danh mục yêu cầu báo giá: Chi tiết tại Phụ lục 1 đính kèm

2. Yêu cầu hồ sơ báo giá:

- Báo giá theo mẫu tại Phụ lục 2 đính kèm và phải được người có thẩm quyền pháp lý ký và đóng dấu.

Lưu ý: Báo giá đã bao gồm thuế, phí lệ phí (nếu có), chi phí vận chuyển. Bên mua không phải trả bất kỳ một chi phí nào thêm.

3. Các yêu cầu khác (nếu có):

Nhà cung cấp báo giá xin gửi kèm theo: Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu đối với hàng hóa chào giá trong vòng 12 tháng liền trước đã được đăng tải trên hệ thống mạng đấu thầu Quốc gia.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Website <https://muasamcong.mpi.gov.vn>

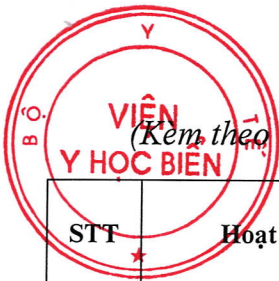
(để công khai);

- Website của Viện Y học biển (để công khai);

- Lưu: VT, TMS.



Nguyễn Bảo Nam



PHỤ LỤC 1. DANH MỤC HÀNG HOÁ

(Kèm theo Thư mời số 22/TM-YHB ngày 02 tháng 07 năm 2026 của Viện Y học biển)

STT	Hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Nhóm TCKT	Đơn vị tính	Số lượng
1	Acetazolamid	250mg	Uống	Viên nén	4	Viên	500
2	Acetylsalicylic acid	100mg	Uống	Viên nén bao tan trong ruột	4	Viên	91.800
3	Acid ursodeoxycholic	200 mg	Uống	Viên nang mềm	4	Viên	18.000
4	Alfuzosin hydroclorid	10mg	Uống	Viên nén bao phim giải phóng chậm	2	Viên	4.200
5	Amikacin	0,5g/2ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	2	Túi/Chai/Lọ/Ống	630
6	Azithromycin (dưới dạng azithromycin dihydrat)	250mg	Uống	Thuốc cốm	3	Gói	720
7	Betahistin dihydroclorid	24mg	Uống	Viên nang cứng	4	Viên	8.900
8	Bisoprolol fumarat	5mg	Uống	Viên nén bao phim	4	Viên	27.000
9	Bisoprolol fumarate	3,75mg	Uống	Viên nén bao phim	4	Viên	63.000
10	Brinzolamide	10mg/ml	Nhỏ mắt	Hỗn dịch nhỏ mắt	1	Lọ/Ống	100
11	Brinzolamide + Timolol (dưới dạng Timolol maleate)	10mg/ml + 5mg/ml	Nhỏ mắt	Hỗn dịch nhỏ mắt	1	Lọ/Ống	50
12	Budesonide (Micronised) 200mcg; Formoterol Fumarate (dưới dạng Formoterol fumarate dihydrate) 6mcg	200mcg; 6mcg	Hít qua đường miệng	Thuốc xịt phun mù	5	Bình/Lọ/Ống	300
13	Calci carbonat + vitamin D3	1250mg + 125 IU	Uống	Viên nén	4	Viên	96.000
14	Clobetasol propionat	0,05%; 10g	Dùng ngoài	Kem bôi da	4	Tuýp	200
15	Clopidogrel	75mg (Dưới dạng Clopidogrel)	Uống	Viên nén bao phim	2	Viên	45.000

STT	Hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Nhóm TCKT	Đơn vị tính	Số lượng
		besylate 112,1mg)					
16	Clotrimazol	150mg/15g	Dùng ngoài	Kem bôi da	4	Tuýp	140
17	Colchicin	1mg	Uống	Viên nén	4	Viên	2.000
18	Choline Alfoscerate	1000mg/4ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	1	Túi/Chai/Lọ/Ống	130
19	Digoxin	0,5mg/ 2ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	1	Túi/Chai/Lọ/Ống	30
20	Diosmectit	3g	Uống	Thuốc bột uống	4	gói	6.000
21	Diphenhydramin	10mg/1ml	Tiêm	Dung dịch thuốc tiêm	4	Túi/Chai/Lọ/Ống	22.000
22	Entecavir (dưới dạng Entecavir monohydrat)	0,5mg	Uống	Viên nén bao phim	4	Viên	23.880
23	Entecavir (dưới dạng Entecavir monohydrat)	0,5 mg	Uống	Viên nén bao phim	2	Viên	1.680
24	Fusidic acid + betamethason	400mg+20mg	Dùng ngoài	Kem bôi da	4	Tuýp	120
25	Gabapentin	600mg	Uống	Viên nén bao phim	4	Viên	10.980
26	Glucosamin sulfat (dưới dạng D-Glucosamin sulfat. 2KCl tương đương Glucosamin base 392,6mg)	500mg	Uống	Viên nang cứng	4	Viên	55.200
27	Hydroxypropylmethyl cellulose	0,3%, 0,4ml	Nhỏ mắt	Dung dịch nhỏ mắt	4	Lọ/Ống	250
28	Insulin người tác dụng trung bình, trung gian	1000 IU	Tiêm	Hỗn dịch tiêm	1	Túi/Chai/Lọ/Ống	2.000
29	Insulin trộn, hỗn hợp (Mixtard-acting, Dual-acting)	(700IU + 300IU)/10ml	Tiêm	Hỗn dịch tiêm	1	Túi/Chai/Lọ/Ống	2.000
30	Ivabradine Hydrochloride tương đương với Ivabradine	7,5mg	Uống	Viên nén bao phim	1	Viên	8.120

STT	Hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Nhóm TCKT	Đơn vị tính	Số lượng
31	Ketamin	500mg	Tiêm	Dung dịch tiêm	1	Túi/Chai/Lọ/Ống	50
32	Ketoprofen	2,5g/100g gel, 30g	Bôi ngoài da	Gel bôi ngoài da	1	Tuýp	230
33	Levodopa + carbidopa	250mg + 25mg	Uống	Viên nén	5	Viên	7.980
34	Manitol	20%- 250ml	Tiêm truyền tĩnh mạch	Dung dịch tiêm truyền	4	Túi/Chai/Lọ/Ống	100
35	Methyl prednisolon	40mg	Tiêm	Bột pha tiêm	2	Túi/Chai/Lọ/Ống	3.600
36	Metronidazol	250mg	Uống	Viên nén	4	Viên	36.000
37	Mifepriston	200mg	Uống	Viên nén	4	Viên	10
38	Misoprostol 200mcg	200 mcg	Uống	Viên nén	4	Viên	300
39	Mỗi lọ chứa Lidocaine 3,8g (dưới dạng dung dịch 10% trong cồn)	Lidocaine 3,8g	Phun mù bơm vào niêm mạc	Thuốc phun mù	1	Chai/Lọ/Ống	3125
40	Natri clorid	0,9g/100ml x 100ml	Tiêm truyền	Dung dịch tiêm truyền	4	Túi/Chai/Lọ/Ống	7.200
41	Nifedipin	20mg	Uống	Viên nén bao phim tác dụng kéo dài	2	Viên	10.000
42	Noradrenalin (dưới dạng Noradrenalin tartrat)	1mg/ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	4	Túi/Chai/Lọ/Ống	2.200
43	Paracetamol (acetaminophen)	1g/100ml	Tiêm truyền	Dung dịch tiêm truyền	4	Túi/Chai/Lọ/Ống	10.000
44	Piracetam	3g/15ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	4	Túi/Chai/Lọ/Ống	8.100
45	Pramipexol (dưới dạng dihydrochloride monohydrate)	0,18mg	Uống	Viên nén	1	Viên	4.000
46	Procain hydroclorid	60mg/2ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	4	Túi/Chai/Lọ/Ống	6.000

STT	Hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Nhóm TCKT	Đơn vị tính	Số lượng
47	Rivaroxaban	20mg	Uống	Viên nén bao phim	4	Viên	11.760
48	Rivaroxaban	15 mg	Uống	Viên nén bao phim	4	Viên	12.000
49	Rivaroxaban	10mg	Uống	Viên nén bao phim	4	Viên	12.000
50	Rocuronium bromid	50mg	Tiêm	Dung dịch tiêm	4	Túi/Chai/Lọ/Ống	400
51	Sắt II Fumarat + Acid Folic	200mg + 0,75mg	Uống	Viên nang cứng	4	Viên	58.000
52	Silymarin	150mg	Uống	Viên bao đường	1	Viên	5.000
53	Sorbitol	3%/ 5 lít	Rửa nội soi bàng quang	Dung dịch rửa nội soi bàng quang	4	Túi/Chai/Lọ/Ống/Can	50
54	Tenofovir disoproxil fumarate	300mg	Uống	Viên nén bao phim	4	Viên	18.000
55	Ticagrelor	90mg	Uống	Viên nén bao phim	4	Viên	1.000
56	Thiamazol	5mg	Uống	Viên nén	4	Viên	12.800
57	Trimetazidin	20mg	Uống	Viên nén bao phim	3	Viên	432.000
58	Zopiclon	5mg	Uống	Viên nén bao phim	4	Viên	8.200

Tổng số : 58 khoản.

Ghi chú: Giá trên đã bao gồm thuế, chi phí vận chuyển đến kho của Viện và các chi phí khác liên quan.

PHỤ LỤC 2: BÁO GIÁ

(Kèm theo Thư mời số 22 /TM-YHB ngày 02 tháng 07 năm 2026 của Viện Y học biển)

TÊN NHÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ:

SỐ HIỆN.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kính gửi: Viện Y học biển

★ Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Viện Y học biển, chúng tôi....[ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các sản phẩm như sau:

1. Báo giá cho các sản phẩm và dịch vụ liên quan:

STT	Số thứ tự theo Thông tư (Nếu có)	Tên hoạt chất (thành phần thuốc) theo Thông tư	Nồng độ/Hàm lượng	Tên thương g mại	Nhóm TCK T	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách đóng gói	Hạn dùng	Đơn vị tính	Giấy phép lưu hành/ Giấy phép nhập khẩu	Hãng Sản Xuất	Nước Sản Xuất	Đơn giá (Đã bao gồm VAT)	Giá kê khai (VN Đ)	Ngày kê khai	Giá trúng thầu tại các CSYT (nếu có)	Tên đơn vị trúng thầu tại các CSYT (nếu có)	Số Quyết định công bố trúng thầu tại các CSYT (nếu có)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)
1	Sản phẩm A																			
2	Sản phẩm B																			
n	...																			

Ghi chú:

(2): Nhà thầu điền theo cột số thứ tự thuộc danh mục hàng hóa theo Thông tư thuộc phạm vi được hưởng của người tham gia Bảo hiểm y tế

(3): Nhà thầu điền theo tên hoạt chất, thành phần thuốc thuộc danh mục hàng hóa theo Thông tư thuộc phạm vi được hưởng của người tham gia Bảo hiểm y tế

(5): Nhà thầu ghi đúng tên theo Giấy phép lưu hành/ Giấy phép nhập khẩu đã được duyệt.

(8): Nhà thầu ghi theo đúng dạng bào chế được ban hành theo Thông tư.

(21): Nhà thầu ghi rõ số Quyết định kèm ngày công bố Quyết định.

- Nhà thầu điền đầy đủ các thông tin và các giấy tờ liên quan (nếu có)

- Giá chào là giá đã bao gồm chi phí vận chuyển, bàn giao, các loại thuế, phí (nếu có)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ≥ 180 ngày kể từ ngày ký.

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của các hàng hoá nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng....năm....

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

